|  |  |
| --- | --- |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  VIỆT NAM  <TÊN ĐƠN VỊ>  Số: ……………. V/v [khảo sát nhu cầu khai thác dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đã được cung cấp trên NGSP.](https://edoc.sbv.gov.vn/Pagess/chi-tiet-van-ban-den.aspx?ItemID=3856944) | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021 |

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU KẾT NỐI, SỬ DỤNG DỮ LIỆU  
 TỪ CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU (CSDL) QUỐC GIA   
CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ CÁC DANH MỤC DÙNG CHUNG.

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **THÔNG TIN CÁN BỘ ĐẦU MỐI** | |
| Họ và tên |  |
| Chức vụ |  |
| Điện thoại |  |
| Email |  |
| 1. **NỘI DUNG KHẢO SÁT** | |

**Quý đơn vị có nhu cầu kết nối sử dụng dữ liệu từ các CSDL Quốc gia, các hệ thống thông tin và các danh mục dùng chung nào sau đây để phục vụ cho hệ thống thông tin/ ứng dụng nghiệp vụ của Quý đơn vị.**

1. **Các cơ sở dữ liệu Quốc gia và hệ thống thông tin:**

*Với mỗi nội dung tích chọn, đề nghị Quý đơn vị nêu rõ chi tiết: (i) tên của hệ thống thông tin/ứng dụng của NHNN mong muốn sử dụng dữ liệu; (ii) nghiệp vụ mong muốn sử dụng dữ liệu; (iii) thời điểm dự kiến sử dụng dữ liệu; (iv) văn bản quy định về nghiệp vụ làm căn cứ sử dụng dữ liệu và các mô tả khác (nếu có).*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên danh mục** | **Thông tin sử dụng** | | | |
|  | **Tên hệ thống/ứng dụng** | **Nghiệp vụ** | **Thời điểm** | **Ghi chú** |
|  |  | **(i)** | **(ii)** | **(iii)** | **(iv)** |
| 1 | CSDL Quốc gia về Doanh nghiệp |  |  |  |  |
| 2 | CSDL Quốc gia về Dân cư  ***Nếu đề xuất nhu cầu sử dụng dữ liệu từ CSDL Quốc gia về Dân cư cho hệ thống Một cửa điện tử, đề nghị Quý đơn vị có nêu rõ mã của các Thủ tục hành chính do Quý đơn vị phụ trách có sử dụng dữ liệu này.*** |  |  |  |  |
| 3 | CSDL Quốc gia về Luật. |  |  |  |  |
| 4 | Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội Việt Nam) |  |  |  |  |
| 5 | Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp) |  |  |  |  |
| 6 | Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp) |  |  |  |  |
| 7 | Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp) và Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội Việt Nam) |  |  |  |  |
| 8 | Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài Chính) |  |  |  |  |
| 9 | Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc |  |  |  |  |
| 10 | Hệ thống của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (VNPOST) |  |  |  |  |

1. **Các danh mục dùng chung:**

*Tất cả các danh mục dùng chung đã được Bộ Thông tin & Truyền thông cung cấp công khai tại địa chỉ https://dmdc.ngsp.gov.vn, người dùng có thể tra cứu trực tiếp để tìm hiểu, khai thác thông tin hoặc các đơn vị có thể kết nối để sử dụng thông tin về các danh mục này.*

*Trong trường hợp có đề xuất sử dụng dữ liệu danh mục nào cho HTTT của NHNN, đề nghị Quý đơn vị cung cấp cụ thể thông tin đề xuất bằng cách tích vào (hoặc ghi tên) danh mục và nêu rõ chi tiết: (i) tên của hệ thống thông tin/ứng dụng của NHNN mong muốn sử dụng dữ liệu; (ii) nghiệp vụ mong muốn sử dụng dữ liệu; (iii) thời điểm dự kiến sử dụng dữ liệu; (iv) văn bản quy định về nghiệp vụ làm căn cứ sử dụng dữ liệu và các mô tả khác (nếu có).*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên danh mục** | **Thông tin sử dụng** | | | |
| **Tên hệ thống/ứng dụng** | **Nghiệp vụ** | **Thời điểm** | **Ghi chú** |
|  |  | **(i)** | **(ii)** | **(iii)** | **(iv)** |
| 1 | Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam cấp 1 (Tỉnh) |  |  |  |  |
| 2 | Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam cấp 2 (Quận, Huyện) |  |  |  |  |
| 3 | Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam cấp 3 (Phường, Xã) |  |  |  |  |
| 4 | Danh mục Mã bưu chính vùng, khu vực |  |  |  |  |
| 5 | Danh mục Mã bưu chính cấp 1 (Tỉnh) |  |  |  |  |
| 6 | Danh mục Mã bưu chính cấp 2 (Quận, Huyện) |  |  |  |  |
| 7 | Danh mục Mã bưu chính cấp 3 (Phường, Xã) |  |  |  |  |
| 8 | Danh mục và mã các dân tộc |  |  |  |  |
| 9 | Danh mục và mã các dân tộc và tên gọi khác |  |  |  |  |
| 10 | Danh mục và mã các tôn giáo |  |  |  |  |
| 11 | Danh mục và mã giới tính |  |  |  |  |
| 12 | Danh mục và mã nhóm máu |  |  |  |  |
| 13 | Danh mục và mã ý nghĩa nhóm máu |  |  |  |  |
| 14 | Danh mục và mã Quốc gia, quốc tịch |  |  |  |  |
| 15 | Danh mục và mã Tình trạng hôn nhân |  |  |  |  |
| 16 | Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học |  |  |  |  |
| 17 | Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ |  |  |  |  |
| 18 | Danh mục và mã chức danh trong các cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam |  |  |  |  |
| 19 | Danh mục bậc lương |  |  |  |  |
| 20 | Danh mục bảng lương |  |  |  |  |
| 21 | Danh mục loại công chức, viên chức, nhân viên, lãnh đạo |  |  |  |  |
| 22 | Danh mục nhóm lương |  |  |  |  |
| 23 | Danh mục và mã các hệ số lương |  |  |  |  |
| 24 | Danh mục và mã mức lương tối thiểu vùng |  |  |  |  |
| 25 | Danh mục mã thi đua khen thưởng |  |  |  |  |
| 26 | Danh mục và mã định danh kết nối các hệ thống QLVBĐH cấp 1 |  |  |  |  |
| 27 | Danh mục và mã định danh kết nối các hệ thống QLVBĐH cấp 2 |  |  |  |  |
| 28 | Danh mục và mã định danh kết nối các hệ thống QLVBĐH cấp 3. |  |  |  |  |
| 29 | Danh mục và mã định danh kết nối các hệ thống QLVBĐH cấp 4. |  |  |  |  |
| 30 | Danh mục Mã loại văn bản theo quy định pháp luật. |  |  |  |  |
| 31 | Danh mục Mã tên các loại văn bản quy phạm pháp luật. |  |  |  |  |
| 32 | Danh mục Mã tên các loại văn bản hành chính. |  |  |  |  |
| 33 | Danh mục Mã quy định độ khẩn văn bản. |  |  |  |  |
| 34 | Các danh mục khác……………… |  |  | Danh sách các danh mục tại Phụ lục 02 | Danh sách các danh mục tại Phụ lục 02 |
| 35 | …………………………………… |  |  |  |
| 36 | …………………………………… |  |  |  |
| 37 | …………………………………… |  |  |  |
| …. | …………………………………… |  |  |  |